

**BẢNG THÔNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT NẪM TRONG CHỈ GIỚI THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN
DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP LÃNG CAO, HUYỆN TÂN YÊN, BẮC GIANG (ĐỢT 6)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2023 của UBND huyện)

STT	Chủ sử dụng đất	Thông tin thửa đất theo BĐDC			Loại đất	Thông tin thửa đất theo Hồ sơ GCN				Diện tích thu hồi (m2)			Ghi chú
		Tờ BĐ	Số thửa	DT (m2)		Tờ BĐ	Số thửa	DT thửa (m2)	DT cấp (m2)	Đất hộ	UBND	Tổng	
1	Nguyễn Danh Hùng	75	41	1.335,2	RSX	53	161	2.571			1.335,2	1.335,2	
2	Nguyễn Văn Sơn	75	55	1.097,8	RSX	53	161	2.571			1.097,8	1.097,8	
3	Giáp Văn Bình (Xuân)	75	43	355,8	RSX	53	14	7.468,0			355,8	355,8	
4	Dương Văn Nhung	75	23	9.923,7	RSX	6	73	6.500	6.500,0	6.500,0	3.423,7	9.923,7	
5	Trần Thế Đoàn	75	10	3.506,4	RSX	6	71				3.319,3	3.319,3	
		67	248	2.536,7	RSX						2.536,7	2.536,7	
6	Giáp Văn Chung	67	178	4.089,1	RSX	6	61	15.080	1.893,0	1.893,0	2.196,1	4.089,1	
	Tổng			22.844,7						8.393,0	14.264,6	22.657,6	

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP LÃNG CAO,
HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG (ĐỢT 6)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2023 của UBND huyện)

STT	Chủ sử dụng đất	Thông tin thửa đất theo BĐDC			Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)			Bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình ,cá nhân (đồng)					Hỗ trợ UBND xã khi thu hồi đất UBND xã quản lý (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ (đồng)
		Tờ BĐ	Số thửa	DT (m ²)		Đất hộ	UBND	Tổng	Bồi thường về đất 13.000đ/m ²	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi nhà nước thu hồi 5.000đ/m ²	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm = 3 lần đất rừng (39.000đ/m ²)	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với đất công ích (50% giá đất)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ (đồng)		
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		14	15	16
1	Nguyễn Danh Hùng	75	41	1.335,2	RSX	0,0	1335,2	1.335,2	0	0	0	0	0	17.357.600	17.357.600
2	Nguyễn Văn Sơn	75	55	1.097,8	RSX	0,0	1097,8	1.097,8	0	0	0	0	0	14.271.400	14.271.400
3	Giáp Văn Bình (Xuân)	75	43	355,8	RSX	0,0	355,8	355,8	0	0	0	0	0	4.625.400	4.625.400
4	Dương Văn Nhung	75	23	9.923,7	RSX	6.500,0	3423,7	9.923,7	84.500.000	32.500.000	253.500.000	0	370.500.000	44.508.100	415.008.100
5	Trần Thế Đoàn	75	10	3.506,4	RSX	0,0	3319	3.319,0	0	0	0	0	0	43.147.000	43.147.000
		67	248	2.536,7	RSX	0,0	2536,7	2.536,7	0	0	0	0	0	32.977.100	32.977.100
6	Giáp Văn Chung	67	178	4.089,1	RSX	1.893,0	2.196,1	4.089,1	24.609.000	9.465.000	73.827.000	0	107.901.000	28.549.300	136.450.300
	Tổng			22.844,7		8.393,0	14.264,3	22.657,3	109.109.000,0	41.965.000,0	327.327.000,0	0,0	478.401.000	185.435.900	663.836.900

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP LÃNG CAO, HUYỆN TÂN YÊN (ĐỢT 6)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2023 của UBND huyện)

STT	Họ tên chủ sử dụng	Thông tin thửa đất theo BDDC					Loại tài sản trên đất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Mức hỗ trợ (%)	Kinh phí bồi thường (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường (đồng)	Ghi chú
		Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Diện tích thu hồi (m2)								
1	Dương Văn Nhung	75	23	9.923,7	RSX	6.500,0	Bạch đàn Cây có chiều cao > 3,0; D1,3 < 5cm	đ/cây	784	40.000	100	31.360.000	92.248.000	Số lượng cây theo mật độ tối đa quy định
							Bạch đàn loại D1,3 từ 5 - 10cm	đ/cây	516	118.000	100	60.888.000		
2	Giáp Văn Chung	67	178	4.089,1	RSX	1.893,0	Khế đường kính gốc 9cm ≤ Φ <12cm	đ/cây	48	235.000	100	11.280.000	105.865.000	
							Bưởi đường kính gốc 2cm ≤ Φ <5cm	đ/cây	34	623.000	100	21.182.000		
							Bưởi đường kính gốc 9cm ≤ Φ <12cm	đ/cây	6	2.027.000	100	12.162.000		
							Đu đủ Cây từ 9 tháng trở lên	đ/cây	1	107.000	100	107.000		
							Sưa loại D1,3 < 6cm, Cây có chiều cao > 0,5 - 1m	đ/cây	100	35.000	100	3.500.000		
							Sưa loại D1,3 từ 8cm - <10cm	đ/cây	10	1.000.000	100	10.000.000		
							Tre Cây non, cây bánh tẻ ĐK gốc ≥ 7cm	đ/cây	38	30.000	100	1.140.000		
Bạch đàn loại D1,3 từ trên 10-13 cm	đ/cây	378	123.000	100	46.494.000	Số lượng cây theo mật độ tối đa quy định								
Tổng												198.113.000	198.113.000	

Áp dụng theo Công văn số 1250/SNN-KHTC về việc công bố đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất 06 tháng cuối năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang của Sở NN&PTNT và Công văn số 1734/SXD-KT&VLXD về công bố đơn giá bồi thường tài sản là nhà, công trình kiến trúc gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ ngày 01/7/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang

HỖ TRỢ TÀI SẢN KHI THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP LÃNG CAO, HUYỆN TÂN YÊN (ĐỢT 6)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2023 của UBND huyện)

STT	Họ tên chủ sử dụng	Thông tin thửa đất theo BĐĐC					Loại tài sản trên đất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Mức hỗ trợ (%)	Kinh phí bồi thường (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường (đồng)	Ghi chú
		Tờ BD	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)								
1	Nguyễn Danh Hùng	75	41	1.335,2	RSX	1.335,2	Tre Cây non, cây bánh tẻ đường kính gốc < 7cm	đ/cây	86	19.000	80	1.307.200	62.995.200	
							Tre Cây già đường kính gốc ≥ 7cm	đ/cây	11	34.000	80	299.200		
							Bạch đàn loại D1,3 từ 10 -13cm	đ/cây	494	123.000	80	48.609.600		
							Bạch đàn loại D1,3 từ 13 - <20cm	đ/cây	98	163.000	80	12.779.200		
2	Nguyễn Văn Sơn	75	55	1.097,8	RSX	1.097,8	Keo loại D1,3 từ trên 10-13 cm	đ/ cây	16	123.000	80	1.574.400	42.705.600	
							Bạch đàn loại D1,3 từ trên 10-13 cm	đ/cây	418	123.000	80	41.131.200		
3	Giáp Văn Bình	75	43	355,8	RSX	355,8	Bạch đàn loại D1,3 từ 13 - <20cm	đ/cây	81	163.000	80	10.562.400	10.562.400	
4	Dương Văn Nhung	75	23	9.923,7	RSX	3.423,7	Bạch đàn Cây có chiều cao > 3,0; D1,3 < 5cm	đ/cây	685	40.000	80	21.920.000	21.920.000	Số lượng cây theo mật độ tối đa quy định
5	Trần Thế Đoàn	75	10	3.506,4	RSX	3.319,3	Bạch đàn loại D1,3 từ trên 10-13 cm	đ/cây	632	123.000	80	62.188.800	66.361.600	
		67	248	2.536,7	RSX	2.536,7	Bạch đàn loại D1,3 từ 13 - <20cm	đ/cây	32	163.000	80	4.172.800		
6	Giáp Văn Chung	67	178	4.089,1	RSX	2.196,1	Bạch đàn loại D1,3 từ 5-10 cm	đ/cây	440	118.000	80	41.536.000	41.536.000	Số lượng cây theo mật độ tối đa quy định
Tổng												246.080.800	246.080.800	

Áp dụng theo Công văn số 1250/SNN-KHTC về việc công bố đơn giá tài sản trên đất là cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất 06 tháng cuối năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang của Sở NN&PTNT và Công văn số 1734/SXD-KT&VLXD về công bố đơn giá bồi thường tài sản là nhà, công trình kiến trúc gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ ngày 01/7/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang